|  |  |
| --- | --- |
|  **ỦY BAN NHÂN DÂN****HUYỆN SA THẦY**  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 519/BC-UBND | *Sa Thầy, ngày 04 tháng 12 năm 2017* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện các chương trình MTQG, chính sách dân tộc năm 2017;**

**phương hướng, nhiệm vụ năm 2018**

**I. Kết quả triển khai chương trình MTQG năm 2017**

**1. Tình hình thực hiện các mục tiêu cơ bản của Chương trình**

***1.1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới***

- Qua rà soát, đánh giá thực hiện theo 19 tiêu chí nông thôn mới trong Bộ tiêu chí quốc gia, kết quả đạt tiêu chí nông thôn mới của huyện đến nay như sau:

+ Đến nay, số tiêu chí xây dựng nông thôn mới các xã đã đạt được như sau: 02 xã đạt 19/19 tiêu chí (*Sa Sơn, Sa Nhơn*); 01 xã đạt 13/19 tiêu chí (*Sa Nghĩa*); 02 xã đạt 7/19 tiêu chí (*Ya Xiêr, Rờ Kơi*); 03 xã đạt 6/19 tiêu chí (*Hơ Moong, Sa Bình, Ya Tăng*); 01 xã đạt 5/19 tiêu chí (*Mô Rai*); 01 xã đạt 4/19 tiêu chí (*Ya Ly*).

+ Ước thực hiện 31/12/ 2017, tổng số tiêu chí đạt được của các xã trên địa bàn huyện là 105 tiêu chí, bình quân là 10,5 tiêu chí/xã.

- Kết quả đầu tư các công trình thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của dân cư nông thôn (*Giao thông, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, hệ thống thông tin truyền thông cơ sở*): UBND huyện đang chỉ đạo các đơn vị thực hiện.

- Kết quả nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn; xây dựng mô hình sản xuất gắn với việc làm ổn định cho nhân dân; tỷ lệ tăng thu nhập so với năm 2016; phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn:

+ Tỷ lệ hộ nghèo hiện nay của huyện là 36,8% ở khu vực nông thôn; Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt trên 18,10 triệu đồng; chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi được tiếp tục giữ vững và từng bước nâng cao; Công tác nâng cao tỷ lệ đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở, chất lượng công tác xóa mù chữ và chống tái mù chữ được duy trì;

+ Công tác bảo vệ môi trường luôn được chú trọng, các thôn, làng đã đưa nội dung bảo vệ môi trường ở khu dân cư vào hương ước, quy ước của thôn; một số địa phương đã thành lập các tổ thu gom rác thải, vận động các hộ gia đình đào hố rác vệ sinh... đến nay tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch hợp vệ sinh ở khu vực nông thôn là 91,8%; tỷ lệ hộ nông thôn có công trình vệ sinh (*nhà tiêu*) hợp vệ sinh là 57%. Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn các xã tiếp tục được giữ vững, không để xảy ra tình huống đột biến, bất ngờ; tệ nạn xã hội cơ bản đã giảm xuống, đời sống nhân dân được ổn định.

+ Triển khai thực hiện các mô hình sản xuất mới như: Mô hình trồng cây sa nhân dưới tán rừng *(20 ha),* mô hình trồng cây cà phê xen cây đinh lăng *(10 ha),* mô hình trồng cây đinh lăng xen bơ *(05 ha);* mô hình trồng thuần cây cà phê vối*(20 ha)*. Về thủy sản: Hỗ trợ thuyền, tay lưới *(69 thuyền, 276 tay lưới; 69 áo phao);* mô hình trồng rau an toàn theo hướng VietGap *(2,3 ha).* Bước đầu các mô hình này phù hợp chính sách phát triển kinh tế xã hội, phù hợp với nguyện vọng của bà con nông dân, từng bước làm thay đổi nhận thức của người nông dân trong việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thâm canh tăng năng suất mang lại hiệu quả về mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

- Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Số lao động được hỗ trợ đào tạo nghề với 166 lao động (*đạt 68,3% KH*); số lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài 10 lao động.

- Công tác phát triển sản xuất nông nghiệp:

+ Kinh tế khu vực nông nghiệp, nông thôn có bước phát triển khá tích cực; bộ mặt nông thôn ngày càng khởi sắc; phần lớn người dân khu vực nông thôn đồng thuận và tin tưởng cao. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển đổi mạnh mẽ theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với thị trường nhất là trong vùng đồng bào DTTS; Công tác chuyển giao khoa học, kỹ thuật được chú trọng thực hiện, một số mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật được triển khai, khảo nghiệm trên địa bàn, bước đầu đạt kết quả.

+ Đề án chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm trên đất lúa thiếu nước vụ Đông xuân: Ước diện tích thu hoạch là 99,66 ha, đạt 100% KH; ước sản lượng 3.265,7 tấn. Phương án nâng cao chất lượng đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo trên địa bàn huyện giai đoạn 2015-2020: Ước số lượng bò cái được thụ tinh nhân tạo trong năm 2017 là 48 con (*lũy kế bò cái thụ tinh nhân tạo của Phương án là 75 con*). Chương trình hỗ trợ cho các hộ nghèo theo Quyết định 102 của Thủ tướng Chính phủ: đã hỗ trợ cho 3.188 hộ/12.991 khẩu, gồm các loại giống cấy trồng như: cà phê, bời lời, chuối Tây Thái, mít Thái Lan, lúa thuần chủng HT1, bơ, điều.

- Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn: Trên địa bàn huyện có 08 cơ sở sản xuất công nghiệp (*02 nhà máy chế biến tinh bột sắn tại xã Sa Bình và xã Sa Nhơn; 03 cơ sở sơ chế biến mủ cao su tại xã Rờ Kơi, Mô Rai và Sa Nhơn*); tiểu thủ công nghiệp 138 cơ sở phân bố rải rác tại các xã, thị trấn; 07 chợ nông thôn, 309 cơ sở sản xuất kinh doanh. Số hơp tác xã đang hoạt động 03 hợp tác xã (*HTX mộc dân dụng xã Mô Rai; HTX Dệt thổ cẩm làng K’Đừ - Thị trấn Sa Thầy; HTX Dịch vụ tổng hợp xã Sa Nghĩa*) và 04 Tổ hợp tác tại xã Sa Sơn, Sa Nhơn đang hoạt động.

***1.2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững***

**-** Kế hoạch năm 2017 giảm tỷ lệ hộ nghèo 6%, số hộ nghèo giảm 633 hộ([[1]](#footnote-2)).

- Tỷ lệ xã, thôn làng đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, tính đến 30/12/2017 trên địa bàn huyện chưa có xã, thôn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn; trong năm, trên địa bàn huyện bổ sung thêm 01 thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 (*làng Chốt - thị trấn Sa Thầy theo Quyết định số 414/QĐ-UBDT ngày 11/7/2017 của Ủy Ban Dân tộc*).

- Tỷ lệ xã có đường ô tô đến Trung tâm xã được nhựa cứng hóa có 10/11 xã, thị trấn có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa cứng hóa đạt 90%.

- Tỷ lê thôn có đường ô tô đến Trung tâm xã được nhựa cứng hóa có 10/11 xã, thị trấn có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa cứng hóa đạt 90%.

- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế có 07 xã; tỷ lệ Trạm y tế cấp xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế: 11 xã, thị trấn.

- Tỷ lệ xã có cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn nông thôn mới 02/10 xã, đạt 20%.

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch hợp vệ sinh ở khu vực nông thôn: 91,8%.

- Số lao động được hỗ trợ đào tạo nghề năm 2017 là 240 lao động.

- Số lao động tham gia đi xuất khẩu lao động năm 2017 là 13 lao động.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo của các xã được tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ quản về quản lý các dự án giảm nghèo.

- 98% cán bộ làm công tác giảm nghèo của các xã được đào tạo nâng cao nghiệp vụ truyền thông về chính sách giảm nghèo.

- 100% người dân trên địa bàn huyện được tiếp cận, cung cấp thông tin về chính sách của Đảng, pháp Luật của nhà nước; 50% người lao động, trong độ tuổi lao động được tập huấn kiến thức khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất.

- Kết quả cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo: Từ các nguồn vốn giảm nghèo Tây nguyên và giảm nghèo bền vững, nông thôn mới hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống từng bước xóa đói giảm nghèo.

**2. Tình hình thực hiện các nguồn lực của Chương trình**

***2.1. Kết quả huy động, thực hiện nguồn lực***

- Tổng kinh phí được bố trí và huy động để thực hiện các Chương trình MTQG: 53.958,841 triệu đồng; trong đó Kế hoạch năm 2017: 53.220 triệu đồng, kế hoạch năm 2016 chuyển sang 738,841 triệu đồng; gồm: Chương trình MTQG Nông thôn mới: 11.926,417 triệu đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 42.032,424 triệu đồng, cụ thể:

+ Vốn ĐTPT: 41.981,841 triệu đồng, trong đó: Chương trình MTQG Nông thôn mới: 9.474,417 triệu đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 32.507,424 triệu đồng.

+ Vốn sự nghiệp: 11.977 triệu đồng, trong đó: Chương trình MTQG Nông thôn mới: 2.452 triệu đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 9.525 triệu đồng.

- Chia ra các các nguồn vốn:

+ Ngân sách Trung ương: 53.006,841 triệu đồng, trong đó: Chương trình MTQG Nông thôn mới: 11.126,417 triệu đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 41.880,424 triệu đồng.

+ Ngân sách tỉnh: 800 triệu đồng, trong đó: Chương trình MTQG Nông thôn mới: 800triệu đồng.

+ Ngân sách huyện: 152 triệu đồng (*đối ứng Chương trình 135 năm 2016*), trong đó: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 152 triệu đồng.

+ Nhân dân đóng góp và nguồn khác: đang triển khai huy động đóng góp từ nhân dân và kếp hợp các nguồn vốn khác.

*(Chi tiết tại biểu kèm theo)*

***2.2. Kết quả thực hiện các nguồn lực***

- Tổng giá trị khối lượng hoàn thành đến 31/10/2017: 23.324,807 triệu đồng; giá trị giải ngân: 23.324,807 triệu đồng, đạt 43% tổng kinh phí đã bố trí. Trong đó: Chương trình MTQG Nông thôn mới giải ngân: 4.699,459 triệu đồng, đạt 40% kế hoạch; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giải ngân: 18.625,348 triệu đồng đạt 44% kế hoạch.

- Ước tổng giá trị khối lượng hoàn thành đến 31/12/2017: 53.939,212 triệu đồng; giá trị giải ngân: 53.939,212 triệu đồng, đạt 100% tổng kinh phí đã bố trí. Trong đó: Chương trình MTQG Nông thôn mới: 11.926,417 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 42.012,795 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

**3. Lập thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án khởi công mới năm 2017, 2018**

UBND huyện đã trình UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2017, 2018 cụ thể như sau:

- Đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:

+ 15 dự án thuộc nguồn vốn Chương trình 135 (*bổ sung năm 2016)* và nguồn vốn Chương trình 135 năm 2017 (điều chỉnh bổ sung), với tổng số vốn là 2.483 triệu đồng, trong đó: Vốn ngân sách trung ương Chương trình 135 (*bổ sung năm 2016*) và nguồn vốn Chương trình 135 năm 2017 (*điều chỉnh bổ sung*) là 1.881 triệu đồng.

+ 11 dự án thuộc nguồn vốn Chương trình 135 (*kế hoạch vốn năm 2018*), với tổng số vốn là 7.847 triệu đồng, trong đó: Vốn ngân sách trung ương Chương trình 135 là 7.079 triệu đồng.

+ 08 dự án thuộc nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu theo Quyết định 293/QĐ-TTg (*kế hoạch vốn năm 2018*), với tổng số vốn là 16.154 triệu đồng, trong đó: Vốn ngân sách trung ương Quyết định 293/QĐ-TTg là 14.472 triệu đồng.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ 04 dự án thuộc nguồn vốn năm 2017 (*Phân bổ chưa hết đợt 1*), với tổng số vốn là 2.085 triệu đồng, trong đó: Vốn ngân sách trung ương thuộc Chương trình 1.565 triệu đồng.

+ 45 dự án thuộc kế hoạch vốn năm 2018, với tổng kinh phí là 22.506 triệu đồng, trong đó: Vốn ngân sách trung ương thuộc Chương trình là 20.100 triệu đồng.

**II. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc**

**1. Chính sách thăm hỏi, động viên tinh thần cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 18/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ**

- Kế hoạch vốn giao: 82,7 triệu đồng *(trong đó: NS huyện 38 triệu đồng)*

- Đã tổ chức thăm hỏi nhân dịp Tết Nguyên đán cho 53 lượt người có uy tín, từ nguồn vốn năm 2016. Tổng vốn giải ngân 21.2 triệu đồng, đạt 34% kế hoạch vốn. Hiện nay đang xây dựng kế hoạch thăm hỏi người có uy tín ốm đau, gia đình gặp khó khăn.... Ước tính cả năm đạt 100% kế hoạch vốn.

- Tổ chức rà soát, bình xét người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2017 và đã được UBND tỉnh phê duyệt với tổng số 78 người có uy tín trên địa bàn huyện([[2]](#footnote-3)).

- Đã tổ chức rà soát và cử 36 người có uy tín tham gia tập huấn, bồi dưỡng kiến thức do Ban Dân tộc tỉnh tổ chức; cử 03 người có uy tín đề nghị Ban Dân tộc đưa đi tham quan, học tập kinh nghiệm ở Thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Bắc([[3]](#footnote-4)); chọn cử 01 đại biểu đi dự Lễ tuyên dương người có uy tín, nhân sỹ trí thức và doanh nhân tiêu biểu người dân tộc thiểu số toàn quốc năm 2017([[4]](#footnote-5)).

*(Có Biểu số 02 kèm theo)*

**2. Chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định 2085/QĐ-TTg**

UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả cụ thể:

- Tổng số hộ thụ hưởng chính sách trên địa bàn huyện: 3.269 lượt hộ. Trong đó:

+ Đất ở: 250 lượt hộ/1,977 ha;

+ Đất sản xuất: 1.316 lượt hộ *(hỗ trợ trực tiếp bằng đất sản xuất 91 lượt hộ, chuyển đổi ngành nghề 1.225 lượt hộ);*

+ Nước sinh hoạt: 1.703 lượt hộ.

- Tổng vốn thực hiện chính sách: 38.041,5 triệu đồng. Gồm:

+ Tổng số vốn hỗ trợ từ NSTW: 9.979,5 triệu đồng *(Trong đó: Đất sản xuất: 1.300 triệu đồng; Chuyển đổi ngành nghề: 6.125 triệu đồng; Nước sinh hoạt: 2.554,5 triệu đồng).*

- Tổng vốn hỗ trợ NSĐP: 250 triệu đồng.

- Tổng vốn vay: 27.812 triệu đồng *(Trong đó: Vay hỗ trợ đất sản xuất: 2.985 triệu đồng; Vay chuyển đổi ngành nghề: 24.827 triệu đồng).*

Hiện đang chờ UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn để triển khai thực hiện trong năm 2018.

*(Có Biểu số 03 kèm theo)*

**3. Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo tại vùng khó khăn theo Quyết định 102/QĐ-TTg**

- Kế hoạch vốn: 1.888,07 triệu đồng *(vốn năm 2017: 969 triệu đồng, vốn năm 2016 chuyển sang 919,07 triệu đồng)*.

- Đã hỗ trợ cây giống các loại; hỗ trợ kinh phí còn dư sau khi hỗ trợ hiện vật 31,98 triệu đồng và cấp tiền mặt cho hộ già, neo đơn số tiền 28,7 triệu đồng. Hướng dẫn nhân dân xuống giống đúng thời vụ và cấp tiền mặt cho tổng số 12.990 khẩu thuộc hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập *(Theo Hướng dẫn Liên ngành số: 3465/LN:STC-SLĐTBXH, ngày 30/12/2016 v/v thực hiện chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020)*. Tổng nguồn vốn giải ngân 1.262,56 triệu đồng, đạt 66.88% tổng kế hoạch vốn giao và đạt 100% kế hoạch về khối lượng.

*(Có Biểu số 04 kèm theo)*

**4. Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2025 theo Quyết định 2086/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016**

Ngày 20/9/2017 UBND tỉnh Kon Tum đã phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội DTTS rất ít người Rơ Măm tỉnh Kon Tum đến năm 2025 cho đồng bào dân tộc thiểu số Rơ Măm tại làng Le, xã Mô Rai. Tổng kinh phí thực hiện: 90.883 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách trung ương hỗ trợ: 88.670 triệu đồng, nguồn vốn lồng ghép các chính sách khác: 2.213 triệu đồng. Hiện nay Ban Dân tộc đang chờ cấp vốn để triển khai thực hiện đề án.

**5. Kết quả thực hiện cấp không thu tiền các loại báo, tạp chí theo Quyết định 59/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

Đến tháng 11/2017, ngành Bưu điện huyện đã tổ chức cấp phát 18 đầu báo, tạp chí, với tổng số 38.682 tờ báo, tạp chí, tạp san các loại đến các vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, là một kênh thông tin quan trọng, tuyên truyền về các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung và vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng, nêu các gương điển hình về lao động sản xuất, phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo để đồng bào học tập. Nhìn chung công tác cấp phát đầy đủ, kịp thời, đủ số lượng và đúng đối tượng. Ước thực hiện đến 31/12/2017 là 42.254 tờ báo, tạp chí, tạp san các loại. *(Có Biểu số 05 kèm theo)*

**III. Đánh giá**

**1. Thuận lợi**

Có sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh; sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của các sở ngành cấp tỉnh; sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Thường trực Huyện ủy, UBND huyện; sự phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành liên quan, UBND các xã, thị trấn trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

**2. Khó khăn, vướng mắc**

***2.1. Đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia***

- Các Chương trình mục tiêu quốc gia ngày càng được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm đầu tư. Tuy nhiên mức vốn phân bổ cho các chương trình còn hạn chế so với mục tiêu, nhu cầu, ngân sách Trung ương phân bổ cho huyện không nhiều *(theo tiêu chí phân bổ)*.

- Việc huy động đóng góp xã hội hóa từ doanh nghiệp (*trên địa bàn chủ yếu doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ*) và của nhân dân còn nhiều khó khăn. Để đạt được 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới cần nguồn vốn đầu tư khá lớn, trong khi ngân sách nhà nước hỗ trợ chưa đáp ứng so với nhu cầu. Một số tiêu chí như: Thu nhập (*TC số 10*); Tổ chức sản xuất (*TC số 13*)… theo quy định mới (*Quyết định 22/QĐ-UBND, ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh*) thì các chỉ tiêu đánh giá cao hơn so với quy định cũ và chưa phù hợp với điều kiện kinh tế của huyện nên rất khó thực hiện.

- Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đạt hiệu quả chưa cao. Công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách, tư vấn học nghề và giải quyết việc làm chưa thật sự sâu rộng đến với người dân nông thôn.

- Chế độ theo dõi, giám sát, báo cáo, đánh giá: Một số đơn vị chưa thực sự quan tâm đúng mức, chưa làm tốt công tác theo dõi, giám sát, báo cáo, đánh giá tình hình dẫn đến khó khăn trong quản lý, điều hành, tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện một số chương trình, dự án khi có yêu cầu.

- Một số công trình có thiết kế, dự toán mẫu thực hiện theo Đề án 991 đến nay không còn phù hợp, song chưa được sửa đổi, bổ sung gây khó khăn trong quá trình thực hiện.

***2.2. Đối với chính sách dân tộc***

- Đối với Quyết định 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 :

+ Một số hộ có nhu cầu hỗ trợ trực tiếp bằng đất sản xuất nhưng hiện nay các địa phương không còn quỹ đất để hỗ trợ.

+ Một số hộ nghèo tham gia dự án đã vay vốn tại ngân hàng chính sách ở các chương trình giảm nghèo khác nên phải loại bỏ vì không đủ tiêu chí được vay vốn. Do đó dẫn đến có sự thay đổi trong quá trình rà soát nhu cầu hỗ trợ các nội dung xây dựng đề án thực hiện Quyết định 2085/QĐ- TTg ngày 30/10/2016.

- Đối với Quyết định 102/2009/QĐ-TTg:

Định mức hỗ trợ từ chương trình quá thấp trong khi giá cả thị trường ngày càng cao nên việc hỗ trợ khó khăn, nhỏ lẻ dẫn đến hiệu quả từ chương trình chưa cao.

- Chính sách cấp không thu tiền một số loại báo và tạp chí theo Quyết định số 59/QĐ-TTg:

+ Do một số xã ở xa trung tâm huyện, đường xá đi lại khó khăn nên việc cấp phát báo cho người dân gặp nhiều khó khăn, báo trong ngày phải sang đến hôm sau mới nhận được.

+ Một số người uy tín trong các dân tộc thiểu số lớn tuổi, trình độ văn hóa hạn chế nên việc tiếp thu các thông tin, kiến thức từ các bài báo, tạp chí chưa cao.

**IV. Nhiệm vụ, giải pháp năm 2018**

**1. Nhiệm vụ**

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý chí quyết tâm phấn đấu thoát nghèo của chính hộ nghèo, kết hợp các hình thức hỗ trợ phù hợp nhằm tạo điều kiện cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo nhanh và bền vững. Nâng cao trách nhiệm các chủ đầu tư trong việc triển khai thực hiện chương trình dự án, gắn trách nhiệm những đối tượng được hưởng với kế hoạch giảm nghèo hàng năm.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo thực hiện đúng quy trình, thủ tục theo quy định. Chủ động, thường xuyên bám sát cơ sở, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên trong kế hoạch năm 2017: Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu; Phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, đời sống văn hóa tinh thần, trong đó tập trung đẩy mạnh tham mưu, thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh hỗ trợ phát triển sản xuất, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xác định các mô hình sản xuất có hiệu quả để nhân rộng. Rà soát, xác định đối tượng, xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể để hỗ trợ người dân thoát nghèo bền vững; thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề, phát triển ngành nghề nông thôn gắn với xây dựng NTM. Tiếp tục đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội; Quan tâm công tác môi trường, giáo dục, y tế, chú trọng những nội dung có thời gian dài do người dân tự thực hiện; Nâng cao hiệu quả truyền thông; Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ; Tăng cường năng lực triển khai thực hiện, đánh giá, giám sát thực hiện chương chình…

- Tiếp tục củng cố Ban giảm nghèo nhanh và bền vững của huyện, xã, thị trấn có sự phân công, phân nhiệm cụ thể, mỗi thành viên phụ trách từng địa bàn và có báo cáo định kỳ về kết quả đạt được.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành chức năng, các địa phương và đoàn thể hướng dẫn các hộ nghèo về sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả các chương trình, khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm và hỗ trợ phát triển ngành nghề. Tổ chức tuyên truyền xóa bỏ các tập quán lạc hậu, vận động nhân dân tự lực vươn lên trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đầu tư từng bước phát triển thủy lợi *(nhất là thủy lợi nhỏ),* xây dựng hệ thống giao thông nông thôn để góp phần thúc đẩy sản xuất.

- Giao kế hoạch năm 2018 cho các đơn vị liên quan, tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách dân tộc, chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện.

**2. Giải pháp**

 - Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các chủ đầu tư trong việc triển khai thực hiện, bảo đảm chất lượng, hoàn thành đúng tiến độ và giải ngân nguồn vốn được giao.

- Thường xuyên củng cố và kiện toàn Ban Chỉ đạo các cấp từ huyện đến cơ sở để đảm bảo bộ máy đồng bộ, thống nhất, hoạt động hiệu quả. Tăng cường phối hợp giữa các phòng, ban chức năng, Ban Chỉ đạo, Ban quản lý các xã với Ban Chỉ đạo huyện trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch Chương trình.

- Tăng cường công tác tuyên truyền vận động tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động, sự đồng thuận trong xã hội, phát huy tính năng động, sáng tạo, chủ động khắc phục khó khăn, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước. Kịp thời biểu dương, khen thưởng để động viên các tập thể, cá nhân có thành tích và có nhiều đóng góp xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới, chủ yếu là cấp xã, thôn xóm và cộng đồng dân cư theo chương trình khung của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kết hợp với những đặc điểm thực tế tại địa phương. Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn chuyên sâu về quản lý đầu tư xây dựng công trình, quản lý dự án, lập hồ sơ và thanh quyết toán...

- Các tổ chức đoàn thể xã hội theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức tuyên truyền, tập huấn cho các đoàn viên, hội viên của mình tham gia trực tiếp thực hiện Chương trình. Tổ chức các đoàn công tác tham quan, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng nông thôn mới trong và ngoài tỉnh.

- Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, cộng đồng doanh nghiệp, tài trợ của các nhà hảo tâm trong và ngoài huyện, đặc biệt là sự tham gia đóng góp của người dân. Tiếp tục thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án hiệu quả để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương. Sử dụng các nguồn vốn đầu tư đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá hiệu quả các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:- TT Huyện ủy;- HĐND huyện;- Lưu: VT-LT. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****(Đã ký)****Y Sâm** |

1. () Theo báo cáo sơ bộ của phòng chuyên môn và các xã, thị trấn sau điều tra, rà soát tháng 11/ 2017, tổng số hộ nghèo cuối năm giảm còn 3.393 hộ, chiếm tỷ lệ 26,94%, mức giảm tỷ lệ hộ nghèo là 5,92%, đạt kế hoạch; tổng số hộ cận nghèo là 1.050 hộ, chiếm tỷ lệ 8,34%. [↑](#footnote-ref-2)
2. () Trong đó: Già làng 42 người, Trưởng thôn 06 người, cán bộ nghỉ hưu 04 người, chức sắc tôn giáo 01 người, sản xuất kinh doanh giỏi 11 người và thành phần khác là 14 người [↑](#footnote-ref-3)
3. () Trong đó: Rờ Kơi 01, Ya Tăng 01 và Ya Xiêr 01. [↑](#footnote-ref-4)
4. () Ông A BLong (người dân tộc Rơ Măm, xã Mô Rai) được giới thiệu đi dự lễ. [↑](#footnote-ref-5)